

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1664/NQUBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.

Căn cứ Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi hợp nhất hai tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai, nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông thực hiện theo 02 văn bản: Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Định; Nghị quyết số 123/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Sau khi hợp nhất hai tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp, các quy định cũ về nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông được xây dựng từ nhiều năm trước không còn phù hợp; chưa phản ánh đầy đủ phạm vi áp dụng, hệ thống đơn vị sử dụng kinh phí và cơ cấu tổ chức ngành khuyến nông. Do đó, cần ban hành quy định mới để đồng bộ, thống nhất cơ chế chi tiêu, kiểm soát, thanh quyết toán nguồn kinh phí khuyến nông trên toàn tỉnh theo đúng quy định của Trung ương¹.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai là rất cần thiết, kịp thời và phù hợp với tình hình mới.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp ở địa phương.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông ở địa phương.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh

2. Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông

2.1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

a) Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

¹Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ Tài Chính ban hành về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

b) Quy định một số nội dung chi, mức chi:

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính.

- Chi thù lao giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 06/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

- Chi giải khát giữa giờ: khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

+ *Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:* (1) Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên): Thông tư số 75/2019/TTBTC của Bộ Tài chính; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai. (2) Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tiền đi lại, chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên): Thông tư số 75/2019/TTBTC của Bộ Tài chính; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 và tiền ăn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai.

+ *Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:*

(1) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: Thông tư số 75/2019/TT-BTC; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên và tiền ăn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

(2) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tiền đi lại, chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên): Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì hỗ

trợ 50% chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 8 và tiền ăn hỗ trợ không quá 50% mức quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

(3) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông. Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo): Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước:

+ Đối với khảo sát, học tập trong nước: Công tác phí, thuê phòng ngủ (Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai). Tiền tàu xe, thuê xe (Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính).

+ Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.2. Thông tin tuyên truyền

a) Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Quy định một số nội dung chi, mức chi sau:

- Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập: Thông tư số 75/2019/TT-BTC, Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC, Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số 06/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính. Riêng mức chi: Tiền ăn và thuê phòng nghỉ cho đại biểu không hưởng lương; giải khát giữa giờ; công tác phí cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

- Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã: (1) Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương, giải khát giữa giờ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND. (2) Bồi dưỡng báo cáo viên vận dụng mức chi Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số 06/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính. Tiền đi lại cho đại biểu không hưởng lương theo Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia; tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông; chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

a) Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Nội

dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Một số nội dung chi, mức chi

- Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện theo quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

+ Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ: Thông tư số 75/2019/TT-BTC, Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống: Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai.

+ Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên: Thông tư 36/2018/TT-BTC và Thông tư số 06/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê: bình quân 11 ngày/tháng x số tháng x mức lương cơ sở/22 ngày.

2.4. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

a) Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Nội dung chi, mức chi

- Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo Điều 4 của Quy định này.

- Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo Điều 5 của Quy định này.

- Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

a) Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Nội dung chi, mức chi: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.6. Nội dung chi khác

a) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

c) Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

d) Quản lý nhiệm vụ khuyến nông: Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính. Mức chi theo các quy định hiện hành.

đ) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/01/2026, thay thế các quy định trước đây trái với Nghị quyết này.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Về đảm bảo nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước, nguồn lồng ghép các chương trình – dự án, và các nguồn hợp pháp khác.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

Việc thực hiện Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp. Nghị quyết thực hiện thông qua việc bố trí kinh phí trực tiếp cho cơ quan chức năng và phối hợp với chính quyền địa phương để triển khai công tác Khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

VI. DỰ KIẾN THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

Trình kỳ họp cuối năm 2025 của Hội đồng nhân tỉnh.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**